

Số: /PA-GPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2022

PHƯƠNG ÁN

Về việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án Đường từ trung tâm Thành phố Thanh Hóa nối với đường giao thông từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi khu Kinh tế Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 387/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/02/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 25/2019/QĐ-UBND ngày 06/8/2019 về việc Ban hành Bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất và Quy định việc xác định giá trị bồi thường, hỗ trợ; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định 11/202/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh; số 27/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 về việc sửa đổi bảng giá cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh; số 5474/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh; số 292/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa: số 865/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình; số 4599/QĐ-UBND ngày 05/11/2019 về việc phê duyệt điều chỉnh dự án; số 2856/QĐ-UBND ngày 21/7/2020 về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công (giai đoạn 2, điều chỉnh giai đoạn 1) công trình Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1263/QĐ-SGVT ngày 04/12/2020 của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán hạng mục cấm cọc GPMB dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

Căn cứ Văn bản số 7255/UBND-KTTC ngày 05/6/2020 của UBND tỉnh về việc hỗ trợ khác cho các hộ có đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Xây dựng một số đoạn đường bộ trên tuyến Bắc - Nam đoạn qua tỉnh Thanh Hóa và dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND huyện: số 2421/QĐ-UBND, ngày 07/5/2018 về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư GPMB dự án; số 766/QĐ-UBND ngày 02/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư giải phóng mặt bằng dự án Đường từ trung tâm TP Thanh Hoá nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Văn bản số 3174/UBND-TCKH ngày 16/6/2021 của Chủ tịch UBND huyện về việc xác định đơn giá bồi thường cây cối, hoa màu khi nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện;

Căn cứ Văn bản số 4931/UBND-TCKH ngày 01/9/2021 về việc thông báo giá gạo tẻ trung bình để hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Quyết định số 6041/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn về việc Phê duyệt giá đất ở cụ thể để tính tiền bồi thường, hỗ trợ về đất khi nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Đường từ trung tâm TP Thanh Hóa nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua xã Đồng Lợi, huyện Triệu Sơn;

Hội đồng bồi thường GPMB lập Phương án bồi thường dự án Đường từ trung tâm thành phố Thanh Hoá nối với đường giao thông từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn, đoạn qua huyện Triệu Sơn, với những nội dung sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất, tài sản, cây cối hoa màu, mồ mã bị ảnh hưởng ở các xã: Đồng Thắng, Đồng Lợi và Đồng Tiến, huyện Triệu Sơn.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 23 hộ gia đình và tổ chức.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 01 hộ ở xã Đồng Lợi.
- Số hộ tái định cư: Không.
- Số mồ mả phải di chuyển: 14 mộ ở xã Đồng Thắng và xã Đồng Tiến.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 38m², trong đó: Đất ở nông thôn là 38m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng:

3.1. Bồi thường một vụ Lúa:

Áp dụng các Quyết định: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 và số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa: Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường Lúa 2 vụ, đơn giá bồi thường Lúa trên 1m² đất: 5.000 đ/m².

3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- Bồi thường đất trồng Lúa:

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019.

+ Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m².

- Các chính sách hỗ trợ:

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

3.3 Bồi thường cây cối, hoa màu:

Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh: số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 27/2020/QĐ-UBND ngày 08/6/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

3.4. Bồi thường đất ở:

Áp dụng Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh và Quyết định số 6041/QĐ-UBND ngày 15/10/2021 của UBND huyện Triệu Sơn.

3.5. Bồi thường di chuyển mồ mả.

- Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

Di chuyển lẻ, từng gia đình tự di chuyển thì mức hỗ trợ cụ thể:

- Mộ đã cải táng: 4.000.000 đồng/mộ.
- Mộ chưa cải táng < 36 tháng: 8.000.000 đồng/mộ.
- Mộ chưa cải táng ≥ 36 tháng: 6.000.000 đồng/mộ.

- Mộ vô chủ đã cải táng: 1.000.000 đồng/mộ.

3.6. Hỗ trợ khác.

Áp dụng Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa và theo các quy định hiện hành.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 1.817.435.658 đồng.

Trong đó:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất:	323.000.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc:	1.312.089.103 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu:	1.802.000 đồng;
- Bồi thường, hỗ trợ di chuyển mồ mả:	94.000.000 đồng;
- Chi phí tổ chức thực hiện 5%:	86.544.555 đồng.

(Chi tiết có dự toán kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Từ nguồn kinh phí GPMB của dự án.

6. Tiến độ thực hiện: Quý I, năm 2022.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện (b/cáo);
- Phòng Tài nguyên - Môi trường;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Phòng Kinh tế - Hạ tầng;
- UBND các xã: Đông Thắng, Đông Tiến và Đông Lợi;
- Lưu: VT, HĐ GPMB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ DỰ TOÁN, BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB
Dự án Đường từ Trung tâm Thành phố Thanh Hoá nối với đường giao thông
từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi khu Kinh tế Nghi Sơn, đoạn qua địa bàn huyện Triệu Sơn

(Kèm theo Văn bản số: /PA-GPMB ngày tháng năm 2022 của Hội đồng BT GPMB dự án huyện Triệu Sơn)

TT	SHS	Họ và tên	Địa chỉ (Thôn/Xóm)	Số thửa	Số tờ	Diện tích thu hội (m2)	Thành tiền (đồng)			Tổng	
							Bồi thường, hỗ trợ về đất	Hỗ trợ dịch chuyển mồ mả	Bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc		Bồi thường, hỗ trợ cây cối hoa màu
I	ĐỒNG TIẾN						-	82.000.000	176.725.842	966.000	259.691.842
1	1	Lê Hữu Tư - Lê Hữu Trí	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
2	2	Hoàng Hữu Tuyển	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
3	3	Lê Đăng Cương	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
4	4	Lê Văn Giang	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
5	5	Nguyễn Thị Nhón	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
6	6	Lê Văn Đạt	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
7	7	Lê Công Ngoạn	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
8	8	Lê Thị Vải	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
9	9	Lê Đăng Tường	Phúc Âm 2					6.000.000	58.003.016	702.000	64.705.016
10	10	Nguyễn Hữu Sơn	Đồng Bèo						4.557.000		4.557.000
11	11	Bùi Thị Lâm	Phúc Âm 2						2.709.000		2.709.000
12	12	Nguyễn Mạnh Hùng	Phúc Âm 2					6.000.000			6.000.000
13	13	Lê Đình Hãnh	Phúc Âm 2						4.669.800	264.000	4.933.800
14	14	Nguyễn Huy Toàn	Phúc Âm 2					6.000.000			6.000.000
15	15	Nguyễn Hữu Hây	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
16	16	Nguyễn Bá Sơn	Phúc Âm 2						21.252.826		21.252.826
17	17	Thi Văn Thuật	Phúc Âm 1					4.000.000	15.133.400		19.133.400

18	18	Lê Thị Thu	Phúc Âm 1					6.000.000			6.000.000
19	19	Tài sản thôn	Phúc Âm 1						70.400.800		70.400.800
II	ĐỒNG THẮNG							12.000.000	23.433.820	488.000	35.921.820
1	1	Nguyễn Văn Bằng	Đại Đồng 1					12.000.000	23.433.820	488.000	35.921.820
III	ĐỒNG LỢI						323.000.000	-	1.111.929.441	348.000	1.435.277.441
1	1	Nguyễn Đình Vui	Quần Nham 2	1154	14	21,1	179.350.000		734.986.457	348.000	1.058.334.457
			Quần Nham 2	1156	14	16,9	143.650.000				
2	2	Lê Đình Trường							366.477.784		366.477.784
3	11	Tài sản thôn	Thọ Lộc						10.465.200		10.465.200
A	Tổng (A=I+II)						323.000.000	94.000.000	1.312.089.103	1.802.000	1.730.891.103
B	Chi phí tổ chức thực hiện (0,05*A)										86.544.555
C	Tổng cộng (A+B)										1.817.435.658

Bằng chữ: Một tỷ, tám trăm mười bảy triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng./.